

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 09-01-2023
“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm;

Ông Nguyễn Trường Thông;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ Kinh doanh M.

Địa chỉ: Quốc lộ 62, tổ 12, ấp M, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện: Bà Bùi Thúy D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp A, xã D, huyện D, tỉnh Cà Mau; *có mặt*

Bị đơn: Bà Võ Thị Mười B, sinh năm 1968; *có đơn xin vắng mặt*

Ông Võ Văn Th, sinh năm 1965; *có mặt*

Cùng địa chỉ: ấp M, xã B, huyện Th, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn, bà Bùi Thúy D trình bày: Ngày 12/7/2021, vợ chồng ông Võ Văn Th và bà Võ Thị Mười B cùng Hộ kinh doanh M có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để vợ chồng ông Th, bà B nuôi tôm do tin tưởng hợp tác nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Sau đó, đến ngày 04/4/2022 ông Theo đại diện ký hợp đồng với Hộ Kinh

doanh M. Theo hợp đồng Hộ Kinh doanh M bán cho vợ chồng ông Th, bà B các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi và theo dõi hàng hóa của mỗi bên và thanh toán theo vụ thu hoạch tôm. Cụ thể bên giao hàng cho vợ chồng ông Th, bà B tại kho hàng của Hộ Kinh doanh M theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của vợ chồng ông Th, bà B nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên vợ chồng ông Th, bà B phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng hóa cho bên Hộ Kinh doanh M. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho vợ chồng ông Th, bà B và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên Hộ Kinh doanh M không chịu trách nhiệm nữa. Thời hạn thanh toán là cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì vợ chồng ông Th, bà B có trách nhiệm thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M, kể cả trường hợp tôm thất. Trong suốt quá trình giao dịch, Hộ Kinh doanh M đã nhiều lần bán thức ăn tôm cho vợ chồng ông Th, bà B theo đúng đơn hàng của ông, bà yêu cầu. Sau khi nhận hàng vợ chồng ông Th, bà B đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên tôi.

Theo hợp đồng đã ký với vợ chồng ông Th, bà B có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M khi vợ chồng ông Th, bà B thu hoạch tôm. Tuy nhiên, vợ chồng ông Th, bà B đã không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết. Cụ thể ngày 02/9/2022 vợ chồng ông Th, bà B thu hoạch tôm nhưng không thanh toán hết tiền hàng và cam kết trong vòng 10 ngày, kể từ ngày 04/9/2022 thanh toán thêm cho bên Hộ Kinh doanh M số tiền 30.000.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 04/9/2022 đại diện ông Th ký và đến nay ông Th, bà B không thanh toán công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M. Tính đến nay ông Th, bà B còn nợ Hộ Kinh doanh M số tiền gốc và lãi là 91.963.000 đồng (trong đó nợ gốc 89.129.000 đồng; phần tiền lãi tính từ ngày 14/9/2022 đến ngày 09/01/2023 theo mức lãi suất 10%/năm số tiền là 2.834.000 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi vụ việc được giải quyết xong.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn Th trình bày: Thông nhất lời trình bày của Hộ Kinh doanh M, thừa nhận có việc mua bán như đại diện Hộ Kinh doanh M trình bày. Tính đến nay vợ chồng ông còn nợ Hộ Kinh doanh M số tiền vật tư thủy sản, nợ gốc là 89.129.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên xin được trả dần, mỗi năm 5.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ, thu nhập tôm có nhiều thì sẽ trả thêm.

Phần tiền lãi mà Hộ Kinh doanh M yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền là 2.346.000 đồng, ông Th không thống nhất trả.

Tại lời trình bày có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Võ Thị Mười B trình bày: Thừa nhận đến nay còn nợ Hộ Kinh doanh M số tiền vật tư thủy sản, nợ gốc là 89.129.000 đồng. Do không có khả năng trả không hứa được thời gian.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn Hộ Kinh doanh M khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn Th và bà Võ Thị Mười B trả tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ nên đây được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Võ Thị Mười B có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Ngày 12/7/2021, vợ chồng ông Võ Văn Th và bà Võ Thị Mười B cùng Hộ kinh doanh M có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản, các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Sau đó, đến ngày 04/4/2022 ông Theo đại diện ký hợp đồng với Hộ Kinh doanh M. Thời hạn thanh toán các bên thỏa thuận là cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì ông Th, bà B có trách nhiệm thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M, kể cả trường hợp tôm thất. Tuy nhiên, vợ chồng ông Th, bà B đã không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết. Cụ thể, ngày 02/9/2022 vợ chồng ông Th, bà B thu hoạch tôm nhưng không thanh toán hết tiền hàng và có cam kết trong vòng 10 ngày, kể từ ngày 04/9/2022 thanh toán thêm cho bên Hộ Kinh doanh M số tiền 30.000.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 04/9/2022 nhưng đến nay ông Th, bà B không thanh toán. Tính đến ngày 09/01/2023 vợ chồng ông Th và bà B còn nợ bên Hộ Kinh doanh M số tiền 91.963.000 đồng (trong đó nợ gốc 89.129.000 đồng; tiền lãi là 2.834.000 đồng). Tính đến nay ông Th, bà B còn nợ số tiền là 91.475.000 đồng. Phía nguyên đơn đã yêu cầu ông Th, bà B thanh toán nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Thấy rằng, đến nay ông Th, bà B không thanh toán số tiền còn nợ cho Hộ Kinh doanh M là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hộ Kinh doanh M khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu vợ chồng ông Th, bà B trả tiền lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/9/2022 đến ngày 09/01/2023 số tiền là 2.834.000 đồng. Thấy rằng theo khoản 3 Điều 440 (quy định về nghĩa vụ trả tiền) của Bộ luật Dân sự 2015

thì “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự*”. Ông Th, bà B bên mua đã không thực đúng nghĩa vụ trả tiền cho bên bán theo hợp đồng đã ký nên phía Nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Từ đó, buộc ông Th, bà B trả cho Nguyên đơn Hộ Kinh doanh M số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/01/2023 là 91.963.000 đồng (trong đó nợ gốc 89.129.000 đồng; tiền lãi là 2.834.000 đồng).

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Th, bà B phải chịu án phí 91.963.000 đồng x 5% = 4,598,150 đồng.

Hoàn trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.276.425 đồng theo biên lai thu số 0002636, ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Hộ Kinh doanh M buộc bị đơn ông Võ Văn Th và bà Võ Thị Mười B liên đới trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/01/2023 là 91.963.000 đồng (trong đó nợ gốc 89.129.000 đồng; tiền lãi là 2.834.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn ông Th, bà B phải chịu án phí là 4.598.150 đồng. Hoàn trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.276.425 đ theo biên lai thu số 0002636, ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kiều Diễm